

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 888/2019/TLST-HNGĐ ngày 04-9-2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim X1, sinh năm 1985; Th1 trú: Số 1390/10 Đường 30/4, khu phố 3, Phường V, thành phố R, tỉnh K; tạm trú: Số 11/10B, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi Th1, sinh năm 1978; Th1 trú: Số 1390/10 Đường 30/4, khu phố 3, Phường V, thành phố R, tỉnh K; tạm trú: Số 11/10B, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-8-2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim X1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị X1 và anh Th1 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng. Được sự đồng ý của gia đình vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng lý kết hôn tại UBND phường V, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh K

và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 1/04 ngày 24/9/2004. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng tại Phường V, thành phố R, tỉnh K được khoảng 03 năm; sau đó vợ chồng chị chuyển đến sinh sống và làm việc tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, Th1 xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh Th1 không chăm chỉ làm ăn, Th1 xuyên uống rượu say rồi chửi xúc phạm đến nhân phẩm của chị. Vì thương con, chị đã nhẫn nhịn để con được sống trong gia đình có cả ba và mẹ nhưng anh Th1 vẫn không thay đổi. Về kinh tế anh Th1 chỉ phụ chị trả tiền thuê phòng hàng tháng và cho con tiền tiêu vặt chứ không đưa cho chị để vợ chồng có tạo lập tài sản chung. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng hiện tại vợ chồng đã ly thân về tình cảm, không còn ăn cơm, ngủ chung, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh đã lâu mà không có phương án nào để gắn tình cảm, từ khi mâu thuẫn xảy ra chị X1 và anh Th1 cũng không làm đơn thưa gửi nhờ bất kỳ cơ quan tổ chức nào hòa giải. Nay con gái đã lớn, đã biết nhận thức sự việc nên chị quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn để giải thoát cuộc sống cá nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phi Th1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 06-08-2004. Hiện nay con đang ở với ba mẹ tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Chị làm công nhân thu nhập ổn định một tháng 07 triệu đồng, có thời gian làm việc cố định đảm bảo tốt cho việc chăm sóc con. Vì vậy, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phi Th1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị X1 khởi kiện anh Th1 yêu cầu được ly hôn, nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Th1 có nơi cư trú tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 01/11/2019 và ngày 22/11/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X1 và anh Th1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh K, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 1/04 ngày 24/9/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị X1 xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, Th1 xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th1 không dành thời gian chăm sóc vợ con, không phụ chi về kinh tế để trang trải cuộc sống sinh hoạt, Th1 xuyên uống rượu say rồi chửi xúc phạm đến nhân phẩm của chị. Để con có cuộc sống đầy đủ cả cha và mẹ chị X1 đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Th1 không thay đổi. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng hiện tại vợ chồng đã ly thân về tình cảm, không còn ăn cơm, ngủ chung, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị X1 xác định không còn tình cảm với anh Th1 nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị X1 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh Th1 đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án chị X1 và anh Th1 không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị X1 và anh Th1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị X1 yêu cầu được ly hôn với anh Th1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thùy Dương, sinh ngày 06-08-2004. Hiện nay con đang ở với ba mẹ tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Sau khi ly hôn chị X1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Dương từ trước đến nay sống cùng ba mẹ, được sự chăm sóc từ người mẹ, cháu được đi học và phát triển tốt. Chị X1 làm công

nhân thu nhập ổn định 7.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc cố định đảm bảo tốt cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Anh Th1 được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập. Vì vậy, chị X1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị X1 không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim X1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Th1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X1 đối với anh Nguyễn Phi Th1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim X1 được ly hôn với anh Nguyễn Phi Th1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thùy Dương, sinh ngày 06-08-2004 cho chị Phạm Thị Kim X1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự tự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, chị X1 và anh Th1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Th1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị X1 nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim X1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029208, ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường V, Tp.
R, tỉnh K;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân